

Số: 1013/QĐ-UBND

Thanh Nưa, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:
Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích
ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH NỮA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 58/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; mức bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản; hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1596/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch hành động tái định cư huyện Điện Biên thuộc dự án “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của cơ quan Phát triển Pháp;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của cơ quan Phát triển Pháp;

Căn cứ Quyết định số 4037/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc phê duyệt dự toán công tác giải phóng mặt bằng để

thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình “Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên” vay vốn ODA của Cơ quan Phát triển Pháp (trên địa bàn xã Thanh Hưng nay là xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên);

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 229/TTr-KT, ngày 06 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên, bao gồm:

1. Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Tổng diện tích đất thu hồi: 0 m².

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: **29.053.968 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng); Trong đó:

- Bồi thường về cây trồng: 29.053.968 đồng.

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

Lý do bổ sung: Bổ sung nội dung bồi thường thiệt hại đối với cây trồng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Điện Biên.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí thuộc nguồn vốn tại Quyết định số 1770/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế có trách nhiệm niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã, địa điểm nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư tại nơi có đất bị thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh căn cứ theo các quy định hiện hành, lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án; gửi cơ quan chuyên môn thẩm định và trình phê duyệt theo quy định.

3. Chủ đầu tư dự án phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và các cơ quan có liên quan hoàn thiện các thủ tục, triển khai thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (chủ đầu tư), Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trường phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH



Chu Văn Bách

BIỂU CHI TIẾT

Bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND xã Thanh Nưa)

TT	Họ tên - Tài sản	ĐVT	TBD	Thửa	Số lượng, diện tích	Sản lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
	Tổng diện tích thu hồi	m ²			0,0				
	Tổng giá trị bồi thường cho các hộ gia đình:								29.053.968
	a Bồi thường về đất:								0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								29.053.968
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								0
1	1 Lò Văn Nghĩa (1972) Số định danh cá nhân: 011072000531 Vợ: Lò Thị Bình								<u>2.621.660</u>
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	40	891,7				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								2.621.660
	Sản lượng ngô	kg	15	40	891,7	0,303	9.700		2.621.660
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
2	2 Cà Văn Đình (1963) Số định danh cá nhân: 011063000905 Vợ: Lò Thị Chim								<u>14.312.134</u>
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	47	3.447,0				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								14.312.134
	1 Sản lượng ngô	kg	15	47	1.723	0,303	9.700		5.065.741
	2 Sản lượng bí	kg	15	47	1.723	1,8505	2.900		9.246.393
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
3	3 Quảng Văn Minh (1976) Vợ: Lò Thị Diên Số định danh cá nhân: 011179002304								<u>3.698.902</u>
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	51	1.258,1				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								3.698.902
	1 Sản lượng ngô	kg	15	51	1.258,1	0,303	9.700		3.698.902
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								

TT	Họ tên - Tài sản	ĐVT	TĐĐ	Thửa	Số lượng, diện tích	Sản lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
4	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	4 Lô Văn Thịnh (1979)								917.596
	Vợ: Cà Thị Châm								
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	52	312,1				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
5	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								917.596
	l Sản lượng ngô	kg	15	52	312,1	0,303	9.700		917.596
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	5 Quảng Văn Thương (1970)								332.816
6	Số định danh cá nhân: 011070001413								
	Vợ: Lù Thị Pòi								
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	54	113,2				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
7	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								332.816
	l Sản lượng ngô	kg	15	54	113,2	0,303	9.700		332.816
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	6 Quảng Văn Kim (1962)								1.437.135
	Số định danh cá nhân: 011062002801								
8	Con trai: Quảng Văn Thành								
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	57	267,8				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								1.437.135
9	l Sản lượng bí	kg	15	57	267,8	1,8505	2.900		1.437.135
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	7 Lô Văn Phương (1963)								3.416.655
	Số định danh cá nhân: 011063001072								
	Vợ: Lô Thị Khụi								
10	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	58	1.162,1				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								3.416.655
	l Sản lượng ngô	kg	15	58	1.162,1	0,303	9.700		3.416.655
11	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								

TT	Họ tên - Tài sản	ĐVT	TBĐ	Thửa	Số lượng, diện tích	Sản lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Hệ số	Thành tiền (đồng)
8	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	Lò Văn Diên (1976)								1.047.841
	Số định danh cá nhân: 011076000080								
	Vợ: Tổng Thị Phương								
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	61	356,4				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
9	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								1.047.841
	l Sản lượng ngô	kg	15	61	356,4	0,303	9.700		1.047.841
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								
	Lò Văn Đồi								1.269.228
	Con trai: Lò Văn Thư								
	Số định danh cá nhân: 011086002791								
	a Bồi thường về đất:								0
	Đất trồng cây hàng năm khác, vị trí 1 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 1707, ngày 22/7/2024)	m ²	15	65	431,7				0
	b Hỗ trợ về đất: (không)								
	c Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất:								
	d Bồi thường về cây trồng, vật nuôi:								1.269.228
	l Sản lượng ngô	kg	15	65	431,7	0,303	9.700		1.269.228
	e Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ:								
	g Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:								